

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI-BAN TỔ CHỨC -
CÁN BỘ CHÍNH PHỦ-BỘ
TÀI CHÍNH
Số: 11/LBTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 1994

THÔNG TƯ CỦA LIÊN BỘ

**LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ CHÍNH PHỦ
- TÀI CHÍNH**

Hướng dẫn chế độ nâng bậc lương năm 1993

***đối với công chức, viên chức xếp lương theo Nghị định số 25/CP ngày 25/3/1995 của
Chính phủ***

Căn cứ Nghị định số 25/CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ; Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 264-TB ngày 29- 10- 1993 của Văn phòng Chính phủ về giải quyết một số vấn đề cấp bách có liên quan đến việc thực hiện chế độ tiền lương mới và Công văn số 1229- KTTH ngày 14- 3- 1994 của Văn phòng chính phủ về chế độ nâng bậc lương năm 1993; sau khi trao đổi ý kiến với Ban tổ chức Trung ương Đảng, các Bộ, ngành liên quan và Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. Liên Bộ Lao động - Thương binh và xã hội - Ban tổ chức - Cán bộ Chính phủ - Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương năm 1993 đối với công chức, viên chức xếp lương theo Nghị định số 25-CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ như sau.

I. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng chế độ nâng bậc lương:

Công chức, viên chức được chuyển xếp lương mới (kể cả những người được tổng hợp theo mẫu số 2b hướng dẫn tại Thông tư liên Bộ số 10-LB/TT) theo các ngạch, bậc của các bảng lương quy định tại Nghị quyết số 35- NQ/ UBTWQHK9 ngày 17-5-1993 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 69-QĐ/ TW ngày 17-5-1993 của Ban bí thư và Nghị định số 25-

CP ngày 23- 5- 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp, bao gồm :

- Công chức, viên chức được tuyển dụng chính thức đang làm việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện, các tổ chức sự nghiệp của nhà nước, kể cả công chức, viên chức đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong và ngoài nước;
- Cán bộ, công nhân viên làm việc trong các cơ quan Đảng, đoàn thể;
- Công chức, viên chức được điều động làm việc ở xã phường;
- Công chức, viên chức được biệt phái hoặc điều động làm việc ở các hội, các dự án và tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

2. Đối tượng không áp dụng chế độ nâng bậc lương:

- Những người giữ các chức vụ dân cử, bầu cử của các cơ quan Nhà nước, Đảng, đoàn thể;
- Những người không được chuyển xếp lương mới;
- Những người làm việc theo hợp đồng dài hạn nhưng không thuộc chỉ tiêu biên chế được giao;
- Những người làm việc theo hợp đồng ngắn hạn;
- Những người đã có quyết định thôi việc;
- Những người đang nghỉ chờ việc;
- Những người bị đình chỉ công tác, đang bị kỷ luật chưa được giao việc;
- Những người bị tạm giam.

3. Công nhân, viên chức thuộc khu vực hành chính, sự nghiệp (kể cả cơ quan Đảng, đoàn thể) được vận dụng chuyển xếp lương mới theo các thang lương, bảng lương quy định tại nghị định số 26-CP ngày 23-5-1993 của chính phủ, thực hiện chế độ nâng bậc lương theo Thông tư hướng dẫn chế độ nâng bậc lương theo thông tư hướng dẫn chế độ nâng bậc lương của công nhân, viên chức trong các doanh nghiệp.

II. ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊU CHUẨN NÂNG BẬC

1. Điều kiện thời gian:

a) Công chức, viên chức quy định tại điểm 1, mục I nói trên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 1993 có đủ thời gian giữ bậc cũ (bậc lương theo Nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985 để chuyển xếp lương mới) sau đây thì được xét để nâng bậc lương:

- 2 năm (đủ 24 tháng) trở lên đối với công chức, viên chức thuộc các ngạch có hệ số mức lương khởi điểm (bậc 1) thấp hơn 1,78.

- 3 năm (đủ 36 tháng) trở lên đối với công chức, viên chức thuộc các ngạch có hệ số mức lương khởi điểm (bậc 1) từ 1,78 trở lên.

Riêng chuyên gia cao cấp chỉ thực hiện nâng bậc lương theo quyết định của Ban Bí thư hoặc Thủ tướng Chính phủ, không thực hiện chế độ nâng bậc lương tính theo thâm niên.

b) Công chức, viên chức có thời gian giữ bậc cũ nhiều hơn thời gian 2 hoặc 3 năm quy định cho ngạch điểm a nói trên, thì khi được nâng bậc lương mới chỉ cần đầy đủ thời hạn 2 hoặc 3 năm (24 tháng, 36 tháng), phần thời gian chênh lệch còn lại được chuyển sang cho lần nâng bậc tiếp theo.

Ví dụ: Một y tá chính, xếp mức lương 272 đồng (theo Nghị định số 235-HĐBT) từ ngày 1 tháng 6 năm 1991, chuyển xếp lương mới vào ngạch y tá chính (mã số 16.121), bậc 2, hệ số 1,69. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 1993 y tá trên có đủ điều kiện thời gian, đạt tiêu chuẩn và được nâng lên bậc 3, hệ số 1,81. So với điều kiện thời gian quy định nâng bậc của ngạch 2 năm (24 tháng) thời gian chênh lệch là 6 tháng cho nên thời điểm để tính nâng bậc lương lần sau kể từ ngày 1 tháng 6 năm 1993.

c) Tính từ tháng 9 năm 1985 đến tháng 12 năm 1993 nếu công chức, viên chức nào đã được nâng bậc mà số lần nâng bậc tính bình quân dưới 3 năm 1 bậc (không kể trường hợp do đề bạt) thì lần này đủ điều kiện thời gian quy định theo các ngạch và đạt tiêu chuẩn đều không được nâng bậc lương mới mà phải kéo dài thời gian tính nâng bậc thêm 1 năm (12 tháng) so với quy định và năm sau thời gian 1 năm này không được coi là thời gian chênh lệch còn lại theo quy định tại tiết b nói trên để tính nâng bậc lần sau.

Ví dụ : Một chuyên viên có mức lương 425 đồng (theo Nghị định số 235-HĐBT) tháng 11 năm 1985 đề bạt lên Phó vụ trưởng xếp mức lương bậc 1: 474 đồng. Đến tháng 10 năm 1989 được nâng bậc lên bậc 2: 513 đồng và đến tháng 12 năm 1990 lại nâng lên bậc 3: 555 đồng (thực hiện sai quy định của Nhà nước). Qua 2 lần nâng bậc lương tính bình quân 2,54 năm/1 bậc (tính từ tháng 11 năm 1985 đến tháng 12 năm 1990 là sau 61 tháng, 2 lần nâng bậc), thì không được xét để nâng bậc lương lần này.

d) Công chức, viên chức bị kỷ luật (chính quyền, Đảng, đoàn thể) từ khiển trách trở lên thì bị kéo dài thời gian nâng bậc thêm 1 năm (tính đủ là 12 tháng). Thời gian chịu một hình phạt của Tòa án cũng không được tính vào thời gian để nâng bậc, nếu mức án treo dưới 1 năm thì vẫn tính trừ 12 tháng.

Ví dụ: Một chuyên viên chính thức được xếp mức lương 425 đồng (theo Nghị định số 235-HĐBT) từ tháng 10 năm 1990. Tháng 8 năm 1992 bị kỷ luật cảnh cáo. Qua chuyển xếp lương mới, đưa xuống ngạch chuyên viên, xếp bậc 7 hệ số 3,31. Nâng bậc lương mới lần này, tính đến ngày 31-12-1993 được 38 tháng nhưng trừ đi một năm (12 tháng) bị kỷ luật, thì thời gian để xét nâng bậc chỉ còn 26 tháng, so với điều kiện thời gian quy định nâng bậc của ngạch chuyên viên là 3 năm (36 tháng) chưa đủ, do đó chưa được xét nâng bậc lương.

e) Công chức, viên chức trước khi chuyển xếp lương mới hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung thì thời điểm để tính thời gian xét nâng bậc quy định như sau:

Ngạch lương có bậc khởi điểm (bậc 1) hệ số	Khung phụ cấp thâm niên vượt khung khi chuyển xếp lương					
- Từ 1,78 trở lên	5%-7%	8%-10%	11%-13%	14%-16%		
Thời điểm tính thời	5%	8%	11%	14%		

gian để xét nâng bậc kể từ tháng, năm hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung mức:						
- Dưới 1,78	5%-6%	7%-8%	9%-10%	11%-12%	13%-14%	15%-16%
Thời điểm tính thời gian để xét nâng bậc kể từ tháng, năm	5%	7%	9%	11%	13%	15%